

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

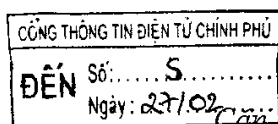
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *07* /2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày *14* tháng *02* năm 2015

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chấp thuận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài trong các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn chấp thuận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài trong các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chấp thuận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài trong các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức có hoạt động liên quan đến áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Chấp thuận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài (sau đây gọi là chấp thuận tiêu chuẩn) là cho phép áp dụng trực tiếp hoặc gián tiếp tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài trong các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Mục đích, nguyên tắc và các tiêu chí chấp thuận tiêu chuẩn

1. Mục đích:

- a) Làm căn cứ đánh giá sự phù hợp thông qua các hoạt động: công nhận, chứng nhận, kiểm định, giám định, thử nghiệm, hiệu chuẩn;
- b) Làm căn cứ quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa, vật tư nông nghiệp;
- c) Từng bước hài hòa hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia với tiêu chuẩn khu vực, quốc tế.

2. Nguyên tắc:

Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc có luận cứ xác đáng chứng minh sự cần thiết áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét chấp thuận tiêu chuẩn liên quan đến các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

3. Tiêu chí:

- a) Không trái với quy định của pháp luật và làm tổn hại tới an ninh, quốc phòng, lợi ích kinh tế - xã hội và các lợi ích khác của Việt Nam;
- b) Phù hợp với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan (nếu có);
- c) Phù hợp với điều kiện kinh tế, kỹ thuật và công nghệ của Việt Nam;
- d) Đáp ứng yêu cầu quản lý và khuyến khích phát triển sản xuất trong nước;
- đ) Là phiên bản mới nhất và còn hiệu lực.

Điều 5. Kinh phí

1. Nguồn kinh phí:

Kinh phí cho việc chấp thuận tiêu chuẩn được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ và các hoạt động

khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các khoản hỗ trợ tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Nội dung chi:

a) Nội dung chi trực tiếp cho việc xây dựng hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn:

Chi lập đề cương, dự toán hồ sơ chấp thuận tiêu chuẩn;

Chi mua tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

Chi dịch, hiệu đính và biên tập tiêu chuẩn từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt.

b) Nội dung chi phục vụ công tác quản lý gồm:

Chi họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn;

Chi nhận xét, đánh giá của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn.

Cơ quan, tổ chức tự bố trí kinh phí xây dựng hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn. Riêng Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động khoa học công nghệ thực hiện các nội dung chi tại mục a khoản 2 Điều này để xây dựng Hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn theo lĩnh vực được phân công quản lý.

3. Khung mức chi:

Mức chi cho việc chấp thuận tiêu chuẩn áp dụng tương ứng với khung mức chi xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 145/2009/TTLT-BTC-BKHCN ngày 17/7/2009 của liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định hiện hành.

Chương II

THỦ TỤC VÀ THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN TIÊU CHUẨN

Điều 6. Hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn

Hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn gồm:

1. Đơn đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn, nội dung theo Mẫu 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phiên bản tiêu chuẩn đề nghị chấp thuận kèm bản dịch sang tiếng Việt (kèm văn bản điện tử).

3. Thuyết minh chấp thuận tiêu chuẩn, nội dung theo Mẫu 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền chấp thuận tiêu chuẩn

1. Cơ quan, tổ chức có hoạt động liên quan đến phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6 Thông tư này gửi (trực tiếp hoặc theo đường bưu điện) về Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành để thẩm tra.

2. Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành:

a) Thẩm tra và thông báo kết quả thẩm tra hồ sơ cho cơ quan, tổ chức có hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn chỉnh sửa, hoàn thiện; gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm tra về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để thẩm định.

Thời gian thẩm tra hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Báo cáo thẩm tra theo Mẫu 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trong trường hợp cần thiết, căn cứ yêu cầu quản lý theo nhiệm vụ được giao, Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành lập hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6 Thông tư này gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để thẩm định.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn và thông báo kết quả thẩm định cho Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành chỉnh sửa, hoàn thiện. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn không quá 15 ngày làm việc. Báo cáo thẩm định theo Mẫu 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký quyết định chấp thuận tiêu chuẩn sau khi đã hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

5. Thành phần hồ sơ trình Bộ trưởng:

a) Tờ trình chấp thuận tiêu chuẩn;

b) Báo cáo thẩm tra; Báo cáo thẩm định;

c) Dự thảo tiêu chuẩn (tiếng nước ngoài và tiếng Việt);

d) Dự thảo Quyết định chấp thuận tiêu chuẩn.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 4 năm 2015.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời thông tin về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT (50b).

BỘ TRƯỞNG



Cao Đức Phát

Phụ lục.
CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2015/TT-BNNPTNT
ngày tháng năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu 1. Đơn đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn.

Mẫu 2. Thuyết minh chấp thuận tiêu chuẩn.

Mẫu 3. Báo cáo thẩm tra/thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn.

Mẫu 1 – Đơn đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn.

Cơ quan chủ quản	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
Tên cơ quan/tổ chức đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn	
	<i>Hà Nội, ngày tháng năm 201...</i>

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TIÊU CHUẨN

Kính gửi:

1. Tên cơ quan, tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax: E-mail:
4. Tên tiêu chuẩn (quốc tế/khu vực/nước ngoài) đề nghị chấp thuận:.....
.....
5. Số hiệu, năm ban hành tiêu chuẩn đề nghị chấp thuận:
6. Tên tổ chức/quốc gia công bố tiêu chuẩn đề nghị chấp thuận:
7. Mục đích chấp thuận tiêu chuẩn:
.....
8. Tóm tắt về sự cần thiết chấp thuận tiêu chuẩn:
.....
.....

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận tiêu chuẩn ...
...../.

Cơ quan/tổ chức đề nghị
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 2 – Thuyết minh chấp thuận tiêu chuẩn.

THUYẾT MINH CHẤP THUẬN TIÊU CHUẨN

1. Tiêu chuẩn đề nghị chấp thuận:

1.1. Tên tiêu chuẩn:

1.2. Số hiệu, năm công bố:

1.3. Tên tổ chức/quốc gia công bố:

2. Phạm vi, đối tượng của tiêu chuẩn:

3. Cơ quan/Tổ chức đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn:

Tên Cơ quan/tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

4. Sự cần thiết chấp thuận tiêu chuẩn:

4.1. Tình hình đối tượng tiêu chuẩn trong nước và ngoài nước (làm rõ đối tượng của tiêu chuẩn đề nghị chấp thuận đã có TCVN hoặc QCVN chưa? Nếu đã có TCVN hoặc QCVN thì vì sao phải đề nghị chấp thuận)

.....

4.2. Sự phù hợp với điều kiện kinh tế, kỹ thuật và công nghệ của Việt Nam

.....

4.3. Mục đích chấp thuận tiêu chuẩn

- Tiêu chuẩn đáp ứng những mục tiêu nào sau đây:

+ Công nhận ☐ + Chứng nhận ☐

+ Kiểm định ☐ + Giám định ☐

+ Quản lý chất lượng ☐ + Thử nghiệm ☐

+ hài hoà tiêu chuẩn (quốc tế, khu vực) ☐ + Hiệu chuẩn ☐

+ Mục đích khác ☐

5. Khái toán kinh phí

....., ngày tháng năm 20 ...

Cơ quan/tổ chức đề nghị

(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 3 – Báo cáo thẩm tra/thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn.

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN VỊ THẨM TRA/THẨM
ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHẤP
THUẬN TIÊU CHUẨN**

Số hiệu văn bản
V/v: Thẩm tra/thẩm định hồ sơ đề nghị
chấp thuận tiêu chuẩn quốc tế/khu
vực/nước ngoài trong ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201...

**BÁO CÁO THẨM TRA/THẨM ĐỊNH
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TIÊU CHUẨN**

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số ... /2015/TT-BNNPTNT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn chấp thuận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài trong các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của (cơ quan, tổ chức đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn) tại văn bản số về việc

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị chấp thuận tiêu chuẩn, (Đơn vị thẩm tra/thẩm định hồ sơ chấp thuận tiêu chuẩn) có ý kiến như sau:

1. Sự phù hợp với mục đích, nguyên tắc và tiêu chí chấp thuận tiêu chuẩn

1.1 Thành phần hồ sơ: (đánh giá sự phù hợp với quy định tại Điều 6 Thông tư này)

... ..
... ..

1.2 Mục đích và sự cần thiết chấp thuận tiêu chuẩn (đánh giá sự phù hợp với quy định tại Điều 4 Thông tư này)

... ..
... ..

2. Chất lượng tiêu chuẩn đề nghị chấp thuận

2.1 Sự chính xác của phiên bản dịch sang tiếng Việt so với phiên bản tiêu chuẩn tiếng nước ngoài:

.....
.....

2.2 Tính đồng bộ và tính khả thi của tiêu chuẩn đề nghị chấp thuận với điều kiện kinh tế, kỹ thuật và công nghệ của Việt Nam

.....
.....

2.3 Việc tuân thủ nguyên tắc đồng thuận và hài hòa lợi ích của các bên liên quan:

.....
.....

2.4 Sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (nếu có), quy định của pháp luật, cam kết quốc tế có liên quan, yêu cầu hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế:

.....
.....

2.5 Về kinh phí thực hiện (chỉ thẩm tra đối với trường hợp sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước):

.....
.....

3. Kết luận và kiến nghị

.....

Nơi nhận:

-
-
-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ THẨM TRA/THẨM ĐỊNH
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))